

Số: 107/2026/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16/8/2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Công ty Cổ phần J A (J)

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Central Point, số 219 phố T K, phường Y H, thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Cao S - Chuyên viên XLN.

2. Ngân hàng TMCP V T V (V)

Địa chỉ: Tòa V T V Tower, số 89 L H, phường Đ Đ, thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Trưởng phòng Xử lý nợ pháp lý tích hợp.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hà Văn T - Chuyên viên XLN.

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1992; CCCD số: 0380*****9915

Địa chỉ: Thôn 7 Q G, phường N S, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lê Thị T – sinh năm 1994; CCCD số: 0381*****0345;

Địa chỉ: TDP H N, phường N S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Lê Thị T là anh Cao Văn D – sinh năm 1988;

Địa chỉ: TDP L K, phường S L, tỉnh B N.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/8/2026 tại Văn phòng Công chứng T T, tỉnh B N).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nợ: Tính đến ngày 16/8/2026, anh Nguyễn Kim T và chị Lê Thị T còn nợ Công ty Cổ phần J A (J) và Ngân hàng TMCP V T V (V) (Theo Hợp đồng tín dụng số LN2311010739072 ngày 10/11/2023 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/11/2023) tổng số tiền 4.736.757.442đ (bốn tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng), gồm: nợ gốc 3.139.425.000 đồng và nợ lãi trong hạn, quá hạn là 1.597.332.442 đồng.

Trong đó, anh T, chị T còn nợ Công ty Cổ phần J A là 4.307.137.510 đồng, gồm: nợ gốc 2.840.425.000 đồng, nợ lãi 1.466.712.510 đồng; còn nợ V là 429.619.932 đồng, gồm: nợ gốc 299.000.000 đồng, nợ lãi 130.619.932 đồng.

Về phương án trả nợ: Chậm nhất đến ngày 08/9/2026, anh Nguyễn Kim T, chị Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/8/2026 là 4.736.757.442 đồng cho Công ty Cổ phần J A và Ngân hàng TMCP V T V theo phần quyền yêu cầu của từng nguyên đơn nêu trên. Ngoài ra, anh T, chị T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng có liên quan, kể từ ngày 17/8/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về tài sản bảo đảm: Trường hợp đến hạn mà anh Nguyễn Kim T, chị Lê Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ trên thì Công ty Cổ phần J A và Ngân hàng TMCP V T V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 9, địa chỉ thửa đất tại khu 5 xã G L, huyện T S, tỉnh P T, nay là xã T S, tỉnh P T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL649837, do UBND huyện T S, tỉnh P T cấp ngày 13/6/2023, đứng tên bà Lã Thị Đ và được đăng ký biến động chuyển nhượng cho anh Nguyễn Kim T và chị Lê Thị T theo hồ sơ số H44.32-230919-0051 ngày 07/11/2023. Tài sản này được thế chấp cho V theo Hợp đồng thế chấp số LN2311010739072 ngày 10/11/2023 tại

Văn phòng công chứng Vũ Thị Thu H, tỉnh P T, số công chứng 5140, quyển số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD.

Về án phí: Các bên thỏa thuận bị đơn chịu toàn bộ án phí, chị Lê Thị T và anh Nguyễn Kim T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (làm tròn số) là 56.368.000đ (năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi tám triệu đồng). Trả lại cho Công ty Cổ phần J A và Ngân hàng TMCP V T V số tiền tạm ứng án phí 61.840.000đ (sáu mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001631 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND KV4 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Nhung